

BÁO CÁO

**Tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân phường
về các nội dung do Ủy ban nhân dân phường trình Kỳ họp chuyên đề
lần thứ 1, Hội đồng nhân dân phường, Khóa I, nhiệm kỳ 2021-2026**

Kính gửi: Kỳ họp chuyên đề lần thứ 1, HĐND phường Kon Tum,
Khóa I, nhiệm kỳ 2021-2026.

Trên cơ sở ý kiến thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân phường Kon Tum ⁽¹⁾ về các nội dung do Ủy ban nhân dân phường trình Kỳ họp chuyên đề lần thứ 1, Hội đồng nhân dân phường, Khóa I, nhiệm kỳ 2021-2026.

UBND phường tiếp thu và giải trình cụ thể như sau:

1. Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh 6 tháng đầu năm; phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2025

1.1. Ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách:

1.1.1. Thu nội địa ước thực hiện 6 tháng đầu năm so với kế hoạch 2025 đạt khá thấp (2,31%). Đề nghị đánh giá chi tiết các khoản thu nhất là khoản thu từ tiền sử dụng đất vì ảnh hưởng đến việc tổ chức thực hiện dự toán chi đầu tư phát triển từ nguồn này, cần có giải pháp quyết liệt để phấn đấu đạt dự toán đã giao.

Ủy ban nhân dân phường báo cáo như sau:

Tổng dự toán thu NSNN trên địa bàn được UBND tỉnh giao tại Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 18/7/2025 là 2.430,076 triệu đồng, gồm 15 khoản thu. Các khoản thu chiếm tỷ trọng lớn như:

⁽¹⁾ Các báo cáo thẩm tra ngày 23 tháng 7 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách: Số 02/BC-HĐND về việc thẩm tra Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh 6 tháng đầu năm; phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2025; dự thảo Nghị quyết về nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh 6 tháng cuối năm 2025; Số 03/BC-HĐND về Báo cáo, Tờ trình dự thảo Nghị quyết dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 nguồn vốn ngân sách của phường Kon Tum; Số 04/BC-HĐND về Tờ trình dự thảo Nghị quyết điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách phường Kon Tum; Số 05/BC-HĐND về dự thảo Nghị quyết về dự toán và phân bổ ngân sách năm 2025 phường Kon Tum; Số 06/BC-HĐND về Tờ trình dự thảo Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 phường Kon Tum; Số 07/BC-HĐND về tổng hợp kết quả thẩm tra các nội dung trình kỳ họp chuyên đề lần thứ nhất của Ban Kinh tế - Ngân sách.

Báo cáo số 02/BC-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2025 của Ban Văn hóa - Xã hội Thẩm tra tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh 6 tháng đầu năm; phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp 6 tháng cuối năm 2025; dự thảo Nghị quyết về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2025

(1) Tăng thu từ các dự án khai thác quỹ đất: 1.196,55 triệu đồng (chiếm 49,24%);

(2) Thu từ các xí nghiệp quốc doanh: 498,92 triệu đồng (chiếm 20,53%);

(3) Thuế bảo vệ môi trường: 229 triệu đồng (chiếm 9,42%).

Số thu từ dự án khai thác quỹ đất đạt thấp do thị trường bất động sản trầm lắng cả nước nói chung và trên địa bàn tỉnh nói riêng.

UBND phường tiếp thu ý kiến và sẽ chỉ đạo các đơn vị tăng cường giải pháp thu ngân sách, chống thất thu, đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời, phấn đấu hoàn thành cao nhất chỉ tiêu thu NSNN năm 2025.

1.1.2. Công tác quản lý nhà nước trong việc sắp xếp, xử lý tài sản công trên địa bàn phường, nhất là việc xử lý các tài sản dôi dư sau khi sắp xếp đơn vị hành chính.

1.1.3. Qua giám sát, hiệu quả hoạt động của một số Hợp tác xã, Tổ hợp tác vẫn còn hạn chế, mô hình sản xuất còn nhỏ lẻ, không tập trung, chưa nhân rộng.

1.1.4. Công tác quản lý trật tự đô thị, văn minh đô thị trên địa bàn còn để các trường hợp lấn chiếm vỉa hè, lòng lề đường làm nơi kinh doanh mua bán; tình trạng nhóm họp chợ, chợ đêm vẫn còn xảy ra. Đề nghị có kế hoạch, giải pháp cụ thể.

Ủy ban nhân dân phường tiếp thu và sẽ chỉ đạo thực hiện về sắp xếp, xử lý tài sản công sau sáp nhập đơn vị hành chính; hiệu quả hoạt động của các Hợp tác xã, Tổ hợp tác; Về trật tự, văn minh đô thị trên địa bàn phường trong thời gian tiếp theo.

1.1.5. Qua xem xét báo cáo và phụ lục chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của Ủy ban nhân dân phường, đề nghị Ủy ban nhân dân phường đảm bảo tính đầy đủ, chính xác về thông tin, số liệu các phụ biểu, hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết trình Hội đồng nhân dân phường xem xét, quyết định.

Ủy ban nhân dân phường báo cáo như sau: Qua rà soát, các nội dung tại Báo cáo và Phụ lục chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội đảm bảo đầy đủ, chính xác về thông tin, số liệu.

1.1.6. Cần quan tâm chỉ đạo thực hiện một số nhiệm vụ sau:

- Chỉ đạo các phòng ban chuyên môn rà soát các chỉ tiêu, nhiệm vụ đạt thấp, có giải pháp cụ thể để tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả và phấn đấu hoàn thành cao nhất theo các chỉ tiêu Nghị quyết Hội đồng nhân dân phường. Thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra kịp thời tháo gỡ, giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong 6 tháng cuối năm 2025.

- Tiếp tục chỉ đạo triển khai quyết liệt, thực hiện nghiêm túc, đạt kết quả công tác quản lý đô thị, trọng tâm là trật tự đô thị, an toàn giao thông, tổ chức kiểm tra, xử lý nghiêm các trường hợp lấn chiếm vỉa hè, lòng lề đường tại các tuyến đường trên địa bàn.

Ủy ban nhân dân phường tiếp thu và sẽ chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tổ chức triển khai thực hiện thường xuyên, có hiệu quả các nhiệm vụ nêu trên trong 6 tháng cuối năm 2025.

1.2. Ý kiến thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội:

1.2.1. Tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số vẫn còn cao so với tổng số hộ nghèo trên địa bàn toàn phường, chất lượng giảm nghèo chưa thật sự bền vững.

Ủy ban nhân dân phường tiếp thu và sẽ chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức về công tác giảm nghèo, tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chính sách giảm nghèo, hỗ trợ đào tạo nghề, tạo việc làm, phát triển sinh kế, nâng cao đời sống Nhân dân, trong đó tập trung thực hiện tốt các chính sách dân tộc, nhất là hỗ trợ định canh, định cư, đất ở, đất sản xuất đối với đồng bào dân tộc thiểu số và hộ nghèo, hộ cận nghèo.

1.2.2. Công tác khôi phục, bảo tồn, phát huy giá trị bản sắc văn hóa, truyền thống của người dân tộc thiểu số có lúc chưa thường xuyên.

Ủy ban nhân dân phường tiếp thu và sẽ chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tiếp tục tăng cường, đổi mới công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về hoạt động khôi phục, bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa của người dân tộc thiểu số; thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa, truyền thống và các chính sách bảo đảm ổn định đời sống cho người đồng bào dân tộc thiểu số; bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác dân tộc và quản lý văn hóa dân tộc thiểu số, nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước về văn hóa các dân tộc thiểu số; nhân rộng các mô hình bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống phù hợp với thực tiễn của các địa phương.

2. Dự thảo Nghị quyết về nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh 6 tháng cuối năm 2025

2.1. **Ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách:** Đề nghị quan tâm một số nội dung như sau:

- Tiếp thu đầy đủ các ý kiến chỉ đạo của Đảng ủy về tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh 6 tháng đầu năm; phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2025.

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, tập trung các biện pháp chỉ đạo quyết liệt, phấn đấu đạt và vượt các chỉ tiêu kinh tế - xã hội ở mức cao nhất.

- Nâng cao hiệu lực hiệu quả điều hành ngân sách. Xây dựng dự toán thu, chi đảm bảo sát đúng tình hình và các yêu cầu, nhiệm vụ; tăng cường giải pháp chống thất thu thuế, gian lận thương mại, trốn thuế, quản lý chặt chẽ hoàn thuế; giảm tỷ lệ, xử lý thu hồi nợ thuế. Thực hiện tiết kiệm chi thường xuyên để bổ sung chi đầu tư phát triển, tăng chi bảo đảm an sinh xã hội, phúc lợi xã hội.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên các lĩnh vực; quản lý chặt chẽ, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả ngân sách nhà nước phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Tiếp tục tăng cường quản lý nhà nước trong công tác trật tự đô thị, trật tự xây dựng, tín ngưỡng, tôn giáo, quản lý chất lượng công trình. Tập trung đổi mới tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương 2 cấp theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả theo chỉ đạo của Trung ương, tỉnh, nâng cao hiệu quả phục vụ người dân và doanh nghiệp. Tập trung cải cách hành chính, thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện.

2.2. Ý kiến thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội: Đề nghị xem xét, bổ sung một số nhiệm vụ, giải pháp 6 tháng cuối năm 2025, cụ thể như sau:

- Triển khai công tác chuẩn bị, tổ chức thực hiện cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031.

- Đẩy mạnh công tác nắm tình hình, triển khai thực hiện đồng bộ các biện pháp phòng ngừa, đấu tranh có hiệu quả với các loại tội phạm, vi phạm pháp luật; đặc biệt chú ý đến giải pháp phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý đối với tội phạm lừa đảo, chiếm đoạt tài sản trên không gian mạng; ma túy; tội phạm liên quan đến đối tượng thanh, thiếu niên;... Tiếp tục triển khai thực hiện các giải pháp nhằm bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, kiểm chế giảm tai nạn giao thông xảy ra trên địa bàn phường.

- Tổ chức lấy ý kiến cử tri về đổi tên các tổ dân phố sau sáp nhập phường nhằm thuận tiện trong công tác quản lý hành chính, phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

Ủy ban nhân dân phường tiếp thu và rà soát, cập nhật bổ sung hoàn thiện dự thảo Nghị quyết (có đính kèm theo Báo cáo này).

3. Ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách về Tờ trình số 15/TTr-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân phường Kon Tum về dự toán và phương án phân bổ dự toán ngân sách phường Kon Tum năm 2025

Đề nghị UBND phường, trên cơ sở ý kiến thảo luận của đại biểu tại Kỳ họp tiếp tục chỉ đạo rà soát, cập nhật, điều chỉnh dự toán, chi ngân sách đảm bảo phù hợp với số liệu dự toán được Tỉnh giao, bám sát theo nguyên tắc tiêu chí, định mức phân bổ, phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi từng cấp ngân sách, thống nhất giữa dự toán thu, chi và các nội dung liên quan đến Kế hoạch đầu tư công trong năm 2025. Đồng thời, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác về thông tin, số liệu, hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết trình HĐND phường xem xét, quyết định (rà soát lại phương án phân bổ dự toán chi ngân sách bao gồm mục chi cân đối ngân sách² và chi bổ sung mục tiêu từ NS tỉnh và ngân sách trung ương³).

² Thuyết minh các khoản mục đối với lĩnh vực chi thường xuyên của sự nghiệp kinh tế.

Ủy ban nhân dân phường đã tiếp thu thực hiện điều chỉnh và hoàn thiện dự thảo Nghị quyết (có đính kèm theo Báo cáo này).

4. Ý kiến thẩm tra của của Ban Kinh tế - Ngân sách về Tờ trình số 16/TTr-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân phường Kon Tum về điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách phường

4.1. Tiến độ thực hiện thu nguồn thu tiền sử dụng đất đến thời điểm hiện tại (trong đó làm rõ khả năng đảm bảo nguồn vốn cho các công trình được bố trí từ nguồn thu tiền sử dụng đất).

UBND phường báo cáo cụ thể như sau:

Tổng thu tiền sử dụng đất của phường Kon Tum trong 6 tháng đầu năm 2025 đạt 55,17% kế hoạch (2.179,5/3.950 triệu đồng). Dự kiến đến cuối năm sẽ hoàn thành 100% kế hoạch (không bao gồm nguồn thu từ khai thác các dự án của tỉnh). Như vậy, đảm bảo nguồn lực để triển khai đầu tư các công trình theo quy định.

4.2. Làm rõ tiến độ thực hiện và giải ngân các dự án bổ sung mới: Xử lý một số vị trí sạt lở trên địa bàn phường Kon Tum, Nâng cấp, sửa chữa đường Âu Cơ (đoạn Hoàng Thị Loan - Huỳnh Đăng Thờ), phường Kon Tum.

UBND phường báo cáo cụ thể như sau:

Hiện UBND phường đã trình HĐND phường bổ sung các dự án trên vào kế hoạch đầu tư công năm 2025 để có cơ sở triển khai thực hiện theo đúng quy định.

5. Ý kiến thẩm tra của của Ban Kinh tế - Ngân sách về Tờ trình số 17/TTr-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân phường Kon Tum về điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025

5.1. Làm rõ tiến độ thực hiện và giải ngân các dự án bổ sung mới: Xử lý một số vị trí sạt lở trên địa bàn phường Kon Tum, Nâng cấp, sửa chữa đường Âu Cơ (đoạn Hoàng Thị Loan - Huỳnh Đăng Thờ), phường Kon Tum.

UBND phường báo cáo cụ thể như sau:

Hiện nay, UBND phường đã trình HĐND phường bổ sung các dự án trên vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021–2025 để làm cơ sở triển khai thực hiện.

5.2. Đề nghị Ủy ban nhân dân phường chỉ đạo các đơn vị có liên quan quản lý và sử dụng nguồn vốn được bố trí đảm bảo theo quy định hiện hành.

Ủy ban nhân dân phường tiếp thu ý kiến và sẽ chỉ đạo khai thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

³ Số liệu chi bổ sung có mục tiêu từ NS tỉnh và NSTW và thuyết minh về kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội.

UBND phường Kon Tum báo cáo Kỳ họp chuyên đề lần thứ nhất, HĐND
phường Khóa I, nhiệm kỳ 2021-2026 xem xét./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND phường;
- CVP, các PVP HĐND-UBND phường;
- Phòng KT, HTĐT phường;
- Lưu: VT, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Dương Anh Hùng



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ KON TUM**

Số: /NQ-HĐND

DỰ THẢO LẦN 2

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phường Kon Tum, ngày tháng 7 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về dự toán thu, chi ngân sách địa phương và
phân bổ ngân sách phường năm 2025**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG KON TUM KHÓA I, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ 1

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024; Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 1677/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Quảng Ngãi năm 2025;

Căn cứ Công văn số 4205/BTC-NSNN ngày 02 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn nguyên tắc xử lý tài chính, ngân sách nhà nước khi tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ Nghị quyết số 06 /NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc áp dụng Nghị quyết Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Nghị quyết số 07 /NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về dự toán và phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 18 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh dự toán và phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Xét Tờ trình số 15/TTr-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân phường về dự toán và phương án phân bổ dự toán ngân sách phường Kon Tum năm 2025; Báo cáo số/BC-UBND ngày... tháng ...năm 2025 của UBND phường về tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân phường, ý kiến thảo luận của các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân phường và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân phường tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định dự toán thu, chi ngân sách ngân sách phường Kon Tum năm 2025 với các chỉ tiêu sau:

1. Tổng thu NSNN trên địa bàn là 2.430.076 triệu đồng.
2. Tổng thu ngân sách phường là 189.694 triệu đồng. Trong đó:
 - Thu cân đối ngân sách: 182.782 triệu đồng
 - Thu bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh: 6.717 triệu đồng.
 - Thu bổ sung mục tiêu từ ngân sách Trung ương: 195 triệu đồng
3. Tổng chi ngân sách phường là 189.694 triệu đồng.
 - Chi cân đối ngân sách phường năm 2025 là 182.782 triệu đồng triệu đồng. Trong đó:
 - + Chi đầu tư phát triển 3.950 triệu đồng.
 - + Chi thường xuyên năm 2025 là 175.176 triệu đồng.
 - + Dự phòng ngân sách: 3.656 triệu đồng.
 - Chi từ nguồn NS Trung ương và NS tỉnh bổ sung có mục tiêu: 6.912 triệu đồng.

(Số liệu chi tiết tại các biểu đính kèm).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân phường tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân phường, các Ban của Hội đồng nhân dân phường, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân phường và đại biểu Hội đồng nhân dân phường giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân phường Kon Tum Khóa I, Kỳ họp chuyên đề lần thứ 1 thông qua ngày tháng 7 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND phường;
- UBND phường;
- UBMTTQVN phường;
- Các ban HĐND phường;
- Đại biểu HĐND phường;
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể của phường;
- Lãnh đạo và CV VP HĐND - UBND phường;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2025 của Hội đồng nhân dân phường Kon Tum)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán tính giao	Dự toán HĐND quyết định	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	189.694	189.694	-	100,0
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	11.628	11.628	-	100,0
-	Thu NSDP hưởng 100%	11.628	11.628	-	100,0
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia			-	
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	178.067	178.067	-	100,0
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	171.154	171.154	-	100,0
2	Thu bổ sung có mục tiêu	6.913	6.913	-	100,0
III	Thu kết dư			-	
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang			-	
B	TỔNG CHI NSDP	189.694	189.694	-	100,0
I	Tổng chi cân đối NSDP	182.782	182.782	-	100,0
1	Chi đầu tư phát triển	3.950	3.950	-	100,0
2	Chi thường xuyên	175.176	175.176	-	100,0
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay			-	
4	Chi nộp ngân sách cấp trên			-	
5	Dự phòng ngân sách	3.656	3.656	-	100,0
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			-	
II	Chi các chương trình mục tiêu	6.912	6.912	-	100,0
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	-	-	-	
	Chi đầu tư phát triển			-	
	Chi sự nghiệp			-	
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	6.912	6.912	-	100,0
	Chi đầu tư phát triển	3.000	3.000	-	100,0
	Chi sự nghiệp	3.912	3.912	-	100,0
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau			-	
VI	Chi quản lý qua ngân sách			-	
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP/KẾT DƯ NSDP				
D	CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP				

STT	Nội dung	Dự toán tính giao	Dự toán HĐND quyết định	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3	4
I	Từ nguồn vay để trả nợ gốc				
II	Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh				
E	TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP				
I	Vay để bù đắp bội chi				
II	Vay để trả nợ gốc				
G	TỔNG MỨC DƯ NỢ VAY CUỐI NĂM CỦA NSDP				

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN PHƯỜNG KON TUM THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2025 của Hội đồng nhân dân phường Kon Tum)

ĐVT: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN TÍNH GIAO	DT 2025 phường hưởng	DỰ TOÁN HĐND QUYẾT ĐỊNH	DT 2025 phường hưởng	GHI CHÚ
A	Thu NSNN trên địa bàn	2.430.076	11.628	2.430.076	11.628	
I	Thu nội địa	2.430.076	11.628	2.430.076	11.628	
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý	489.970		489.970		
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý	8.950		8.950		
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	400		400		
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	205.315		205.315		
5	Thuế thu nhập cá nhân	48.083		48.083		
6	Thuế bảo vệ môi trường	229.000		229.000		
7	Lệ phí trước bạ	21.200	1.060	21.200	1.060	
8	Thu phí, lệ phí	22.222	4.008	22.222	4.008	
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp					
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	2.410	2.410	2.410	2.410	
11	Thu cho thuê mặt đất mặt nước	3.455		3.455		
12	Thu tiền sử dụng đất	39.500	3.950	39.500	3.950	
13	Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước					
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	82.000		82.000		
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước	40.540		40.540		
16	Thu khác ngân sách	38.781	200	38.781	200	
17	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã					
18	Thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế	1.700		1.700		
19	Tổng thu từ các dự án khai thác quỹ đất so với dự toán Trung ương giao	1.196.550		1.196.550		
II	Thu từ đầu thô (3)					
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu					
1	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu					

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN TÍNH GIAO	DT 2025 phường hưởng	DỰ TOÁN HĐND QUYẾT ĐỊNH	DT 2025 phường hưởng	GHI CHÚ
2	Thuế xuất khẩu					
3	Thuế nhập khẩu					
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu					
5	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu					
6	Thu khác					
B	Thu NS phường		189.694		189.694	
I	Thu cân đối ngân sách		182.782		182.782	
1	Thu hưởng theo phân cấp		11.628		11.628	
2	Thu bổ sung cân đối		171.154		171.154	
II	Thu bổ sung có mục tiêu		6.912		6.912	
1	Bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh		6.717		6.717	
2	Bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương		195		195	

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2025 của Hội đồng nhân dân phường Kon Tum)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	DỰ TOÁN TỈNH GIAO	DỰ TOÁN HĐND QUYẾT ĐỊNH
A	B	1	2
	Tổng cộng	189.694	189.694
A	Chi cân đối ngân sách	182.782	182.782
I	Chi đầu tư phát triển	3.950	3.950
1	Chi đầu tư cho các dự án	3.950	3.950
	<i>Trong đó chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất</i>		
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật		
3	Chi đầu tư phát triển khác		
II	Chi thường xuyên	175.176	175.176
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề (3)	85.074	85.074
-	Chi khoa học và công nghệ		
-	Chi quốc phòng	2.135	2.135
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	200	200
-	Chi y tế, dân số và gia đình	736	736
-	Chi văn hóa thông tin	55	55
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn		
-	Chi thể dục thể thao	15	15
-	Chi bảo vệ môi trường	32.305	32.305
-	Chi các hoạt động kinh tế	11.379	11.379
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	35.370	35.370
-	Chi bảo đảm xã hội	7.907	7.907
-	Chi thường xuyên khác (4)		
III	Chi trả nợ lãi vay		
IV	Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính		
V	Dự phòng ngân sách	3.656	3.656
VI	Chi nguồn giao tăng thu so dự toán Trung ương giao		
B	Chi bổ sung có mục tiêu	6.912	6.912

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG KON TUM NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2025 của Hội đồng nhân dân phường Kon Tum)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung chi	Dự toán tính giao	Dự toán chi ngân sách phường năm 2025 (sau sắp xếp)	Trong đó			Ghi chú
				Dự toán theo lương 1,8 triệu đồng và chi hoạt động	Dự toán theo lương 2,34 triệu đồng	Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ	
A	B	1	2	3	4	5	6
	TỔNG CỘNG	189.694	189.694	165.845	17.612	6.237	
A	Dự toán chi cân đối ngân sách cấp xã	182.782	182.782	158.933	17.612	6.237	
I	Chi đầu tư phát triển	3.950	3.950	3.950	-	-	
1	Chi đầu tư xây dựng cơ bản vốn trong nước						
2	Chi đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	3.950	3.950	3.950			
II	Chi thường xuyên	175.176	175.176	151.327	17.612	6.237	
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	85.074	85.074	64.502	15.448	5.124	
1.1	Chi sự nghiệp giáo dục	84.728	84.728	64.216	15.409	5.103	
a	Chi sự nghiệp giáo dục theo định mức		83.828	63.316	15.409	5.103	
b	Kinh phí thực hiện chính sách		116	116			
-	Kinh phí thực hiện chính sách phát triển giáo dục mầm non theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP		44	44			
-	KP hỗ trợ học bổng, chi phí học tập cho học sinh khuyết tật theo TTLT số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC		53	53			
-	Hỗ trợ Dân tộc rất ít người các trường		(4)	(4)			
-	Kinh phí hỗ trợ miễn/giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP		23	23			
c	Bổ sung thực hiện các chính sách giáo dục năm 2024 (NĐ 81, NĐ 116...)		784	784			
1.2	Chi sự nghiệp đào tạo	346	346	286	39	21	
	- Trung tâm bồi dưỡng Chính trị phường		265	205	39	21	
	- Vốn đối ứng chương trình MTQG giảm nghèo bền vững (Phòng VHXXH)		81	81			Dự án 4
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ						
3	Chi thường xuyên các lĩnh vực nghiệp khác	90.102	90.102	86.825	2.164	1.113	
3.1	Chi sự nghiệp kinh tế		11.379	11.200	110	69	
*	Chi hoạt động kinh tế		875	875	-	-	
-	Dự toán các xã đã thực hiện (phòng Kinh tế, HTĐT tiếp nhận và quyết toán)		396	396			
-	Dự toán còn lại		479	479			
*	Hỗ trợ đất trồng lúa		83	83	-	-	
-	Dự toán các xã đã thực hiện (phòng Kinh tế, HTĐT tiếp nhận và quyết toán)		72	72			
-	Dự toán còn lại		11	11			
	Phòng Kinh tế Hạ tầng và Đô thị		11	11			
*	Vốn đối ứng CT MTQG GNBV (Phòng Kinh tế HTĐT)		112	112			Dự án 2, Dự án 7
*	Dịch vụ công ích (Ban QLDA ĐTXD phường)		9.638	9.638			
*	Sự nghiệp khuyến nông (Trung tâm dịch vụ nông nghiệp)		671	492	110	69	
3.2	Chi sự nghiệp văn hóa - thông tin		55	55	-	-	
-	Dự toán các xã đã thực hiện (phòng Kinh tế, HTĐT tiếp nhận và quyết toán)		10	10			
-	Dự toán còn lại		45	45			
	Phòng Văn hoá và Xã hội		45	45			
3.3	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình						
3.4	Chi sự nghiệp thể thao		15	15			
-	Dự toán các xã đã thực hiện (phòng Kinh tế, HTĐT tiếp nhận và quyết toán)		3	3			
-	Dự toán còn lại		12	12			
	Phòng Văn hoá và Xã hội		12	12			
3.5	Chi đảm bảo xã hội		7.907	7.907			

STT	Nội dung chi	Dự toán tính giao	Dự toán chi ngân sách phường năm 2025 (sau sắp xếp)	Trong đó			Ghi chú
				Dự toán theo lương 1,8 triệu đồng và chi hoạt động	Dự toán theo lương 2,34 triệu đồng	Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ	
A	B	1	2	3	4	5	6
-	Dự toán các xã đã thực hiện (phòng Kinh tế, HTĐT tiếp nhận và quyết toán)		645	645			
-	Dự toán còn lại		7.262	7.262			
+	Phòng Văn hoá và Xã hội		7.062	7.062			
	Thực hiện các CS ASXH		180	180			
	Kinh phí thực hiện Nghị định 20/2021/NĐ-CP		6.865	6.865			
	Kinh phí người có uy tín trong ĐBDTTS		2	2			
	Hỗ trợ tiền điện hộ chính sách		15	15			
+	Phòng Kinh tế Hạ tầng và Đô thị		200	200			
	Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo		200	200			
3.6	Chi quản lý hành chính		35.370	32.272	2.054	1.044	
-	Dự toán các xã đã thực hiện (phòng Kinh tế, HTĐT tiếp nhận và quyết toán)		14.657	14.657			
-	Dự toán còn lại		20.713	17.615	2.054	1.044	
*	Kinh phí các đối tượng nghỉ 178		3.190	3.190			
*	Văn phòng HĐND -UBND phường		3.424	2.631	545	248	
	Chi lương và phụ cấp, chi khác (24 biên chế)		2.541	1.836	457	248	
	Kinh phí hoạt động của HĐND, UBND phường		500	500			
	Phụ cấp đại biểu HĐND		383	295	88		
*	Trung tâm hành chính công		770	583	120	67	
	Chi lương và phụ cấp, chi khác (7 biên chế)		670	483	120	67	
	Chi chế độ một cửa và bảo vệ		100	100			
*	Đảng uỷ phường		4.543	3.597	640	306	
	Phụ cấp cấp uỷ		97	75	22		
	Chi lương và phụ cấp, chi khác (31 biên chế)		3.412	2.488	618	306	
	Kinh phí hoạt động của Đảng uỷ		500	500			
	Kinh phí đại hội Đảng bộ		534	534			
*	Khối Mặt trận và Đoàn thể		1.249	981	177	91	
	Chi lương và phụ cấp, chi khác (10 biên chế)		979	711	177	91	
	Kinh phí cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng khu dân cư		170	170			
	Kinh phí hoạt động của khối mặt trận và đoàn thể		100	100			
*	Phòng Văn hoá - Xã hội		5.545	5.177	237	131	
	Chi lương và phụ cấp, chi khác (14 biên chế)		1.321	953	237	131	
	Kinh phí cán bộ không chuyên trách cấp xã		1.194	1.194			
	Kinh phí cán bộ không chuyên trách thôn		2.550	2.550			
	Kinh phí hoạt động thôn		480	480			
*	Phòng Kinh tế Hạ tầng và Đô thị		1.992	1.456	335	201	
	Chi lương và phụ cấp, chi khác (22 biên chế)		1.992	1.456	335	201	
3.7	Chi an ninh - quốc phòng		2.335	2.335	-	-	
3.7.1	Chi giữ gìn an ninh và trật tự ATXH		200	200	-	-	
-	Dự toán các xã đã thực hiện (phòng Kinh tế, HTĐT tiếp nhận và quyết toán)		99	99			
-	Dự toán còn lại		101	101			
3.7.2	Chi quốc phòng địa phương		2.135	2.135	-	-	
-	Dự toán đã thực hiện		1.236	1.236			
-	Dự toán còn lại		899	899			
+	Kinh phí chi trả trợ cấp hàng tháng cho chức danh thôn đội trưởng		336	336			
+	Lương, phụ cấp chi khác		238	238			
+	Chi trực và các chế độ khác		325	325			
3.8	Chi sự nghiệp y tế		736	736	-	-	
-	Bảo hiểm y tế đối tượng bảo trợ xã hội (Phòng Văn hoá và xã hội)		710	710			

STT	Nội dung chi	Dự toán tính giao	Dự toán chi ngân sách phương năm 2025 (sau sắp xếp)	Trong đó			Ghi chú
				Dự toán theo lương 1,8 triệu đồng và chi hoạt động	Dự toán theo lương 2,34 triệu đồng	Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ	
A	B	1	2	3	4	5	6
-	Vốn đối ứng CT MTQG GNBV (Phòng Văn hóa và xã hội)		26	26			TD2, DA3 Cải thiện đinh đường
3.9	Chi sự nghiệp môi trường		32.305	32.305	-	-	
-	Dịch vụ công ích đô thị (Ban QLDA ĐTXD phường)		32.305	32.305			
III	Dự phòng ngân sách	3.656	3.656	3.656			
	Trđó: 2% bổ sung nguồn dự phòng từ nguồn tăng thu so với Trung ương giao						
IV	Chi từ nguồn giao tăng thu tiền sử dụng đất so với dự toán cấp trên giao và phân bổ theo tiến độ nguồn thu thực tế phát sinh nộp vào ngân sách nhà nước						
V	Tăng thu tạo nguồn cân đối lương						
B	Dự toán bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên	6.912	6.912	6.912			
I	Bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	6.717	6.717	6.717			
1	Phân cấp vốn đầu tư phát triển	3.000	3.000	3.000			
1.1	Nguồn đầu tư xây dựng cơ bản vốn trong nước						
1.2	Nguồn thu xổ số kiến thiết						
1.3	Nguồn thu tiền sử dụng đất theo dự toán trung ương giao chi thực hiện công tác quy hoạch, đo đạc, đăng ký quản lý đất đai, cấp giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở, đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính và lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	954	954	954			
1.4	Nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất giao tăng thu so với dự toán trung ương giao để chi cho công tác đo đạc, đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính thường xuyên theo Chỉ thị số 1474/CT-TTg ngày 24/8/2011 của Thủ tướng Chính phủ	2.046	2.046	2.046			
2	Bổ sung mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể nguồn chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh	3.717	3.717	3.717			
2.1	Kinh phí thực hiện Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ	586	586	586			
-	Dự toán đã thực hiện		181	181			
-	Dự toán còn lại		405	405			
	Phòng Văn hoá - Xã hội		405	405			
2.2	Kinh phí tổ chức tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh	10	10	10			
-	Dự toán đã thực hiện		3	3			
-	Dự toán còn lại		7	7			
	Văn phòng HĐND - UBND phường		7	7			
2.3	Hỗ trợ kinh phí thực hiện đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025; Đề án nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh dân tộc thiểu số tính đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	225	225	225			
2.4	Hỗ trợ thành phố Kon Tum được công nhận đô thị loại II						
2.5	Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách cho lực lượng bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở (Phòng Kinh tế - HT và ĐT)	2.895	2.895	2.895			
II	Bổ sung từ ngân sách trung ương	195	195	195			
1	Bổ sung kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông	12	12	12			
	Phòng Kinh tế Hạ tầng và Đô thị	12	12	12			
2	Kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội	183	183	183			
2.1	BHYY cựu chiến binh, người trực tiếp tham gia kháng chiến, BVTQ, làm nhiệm vụ quốc tế Lào, Campuchia, TNXP (Phòng VH và Xã hội)	194	194	194			
2.2	Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách (Phòng Kinh tế - HT và ĐT)	(119)	(119)	(119)			
2.3	Kinh phí người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số (Phòng VH và Xã hội)	10	10	10			
2.4	Các chính sách giáo dục phân bổ cho các trường	98	98	98			

DỰ TOÁN CHI TIẾT CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2025 của Hội đồng nhân dân phường Kon Tum)

DVT: Triệu đồng

STT	ĐƠN VỊ	TỔNG CỘNG	Dự toán chi nguồn cân đối ngân sách địa phương										Chi nguồn Trung ương bổ sung mục tiêu vốn sự nghiệp			Nguồn tính bổ sung có mục tiêu
			Tổng	Chi thường xuyên	Trong đó			Nghị định 81/2021/NĐ-CP	Nghị định 105/2020/NĐ-CP	Hỗ trợ học sinh khuyết tật (TT42) các trường	Hỗ trợ Dân tộc rất ít người các trường	Dạy khuyết tật hòa nhập các trường	Tổng	Nghị định 81/2021/NĐ-CP	Hỗ trợ học sinh khuyết tật (TT42)	
					Dự toán theo lương 1,8 triệu	Thực hiện tiền lương ND 73/2024/NĐ-CP	Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP của									
	TỔNG CỘNG	85.051	84.728	83.828	63.316	15.409	5.103	784	44	53	(4)	23	98	92	6	225
I	MẦM NON	12.772	12.773	12.589	9.320	2.513	756	139	44	-	-	-	-	-	-	(1)
1	Trường MN Tuổi Thơ	3.057	3.057	3.024	2.253	591	180	31	2				-			
2	Trường MN Hoa Thạch Thảo	2.936	2.936	2.890	2.142	573	175	34	13				-			(1)
3	Trường MN Hoa Phượng	3.910	3.910	3.874	2.840	798	236	37	(0)				-			
4	Trường MN Thủy Tiên	2.869	2.869	2.801	2.085	551	165	37	30				-			
II	TIỂU HỌC	42.691	42.659	42.571	31.528	8.546	2.497	85	-	(11)	(5)	18	3	3	-	29
1	Trường TH Lê Hồng Phong	5.822	5.822	5.821	4.235	1.223	363	1					-			
2	Trường TH Phan Đình Phùng	5.859	5.859	5.858	4.304	1.205	349	2					-			
3	Trường TH Mạc Đĩnh Chi	3.969	3.966	3.955	2.961	775	219	11					3	3		
4	Trường TH Ngô Quyền	6.770	6.770	6.770	5.062	1.326	382						-			
5	Trường TH Võ Thị Sáu	3.475	3.457	3.385	2.506	678	201	65		(1)		8	-			18
6	Trường TH Phan Chu Trinh	6.143	6.143	6.154	4.583	1.215	356	3		(10)	(5)	0	-			
7	Trường TH Hoàng Văn Thụ	5.602	5.602	5.597	4.177	1.098	322	0				5	-			
8	Trường TH Nguyễn Văn Cừ	5.051	5.040	5.033	3.702	1.026	305	3				5	-			11
III	TH-THCS	13.330	13.106	12.865	10.168	1.891	806	175	-	63	1	2	28	22	6	197
1	TH-THCS Trường Sa	6.326	6.166	6.077	5.205	496	376	77	-	10	1	2	3	3	-	158
	Tiểu học	2.533	2.533	2.521	1.884	496	141	12					-			
	THCS	3.794	3.634	3.556	2.589	732	235	65		10	1	2	3	3		158
2	TH-THCS Thăng Lợi	7.004	6.939	6.788	4.963	1.395	430	98	-	53	-	-	25	19	6	39
	Tiểu học	2.376	2.345	2.284	1.720	439	125	22		39			4	4		27
	THCS	4.628	4.594	4.504	3.243	956	305	76		14			21	15	6	13
IV	THCS	16.179	16.112	15.777	12.274	2.459	1.044	332	-	-	-	3	67	67		
1	Trường THCS Nguyễn Sinh Sắc	10.562	10.495	10.242	8.418	1.143	681	252				1	67	67		
2	Trường THCS Trần Hưng Đạo	5.617	5.617	5.535	3.856	1.316	363	80				2	-			
V	Phòng Văn hoá và Xã hội	78	78	25	25			53								

DỰ TOÁN CHI THUƯỜNG XUYỀN CỦA NGÂN SÁCH PHƯỜNG KON TUM CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2025 của Hội đồng nhân dân phường Kon Tum)

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	Tên đơn vị	TỔNG SỐ	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, đân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của CQ QLNN, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Các khoản chi khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Sự nghiệp kinh tế khác			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	TỔNG SỐ	175.176	85.074	-	2.135	200	736	55	-	15	32.305	11.379	-	866	10.513	35.370	7.907	-
1	Văn phòng HĐND-UBND phường	3.424														3.424		
2	Phòng Văn hoá - Xã hội	13.559	159				736	45		12						5.545	7.062	
3	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và đô thị	20.812	-	-	2.135	99	-	10	-	3	-	1.070	-	195	875	16.649	845	-
	Dự toán các phường đã thực hiện	17.119			1.236	99		10		3		468		72	396	14.657	645	
	Dự toán còn lại	3.693			899							602		123	479	1.992	200	
4	Trung tâm hành chính công	770										-				770		
5	Văn phòng Đảng uỷ	4.543										-				4.543		
6	Khối Mặt trận và đoàn thể	1.249										-				1.249		
7	Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	671										671		671				
8	Ban Quản lý án ĐT XD phường	41.943									32.305	9.638			9.638			
9	Trung tâm bồi dưỡng chính trị	265	265									-						
10	Trường MN Tuổi Thơ	3.057	3.057															
11	Trường MN Hoa Thạch Tháo	2.936	2.936															
12	Trường MN Hoa Phượng	3.910	3.910															
13	Trường MN Thủy Tiên	2.869	2.869															
14	Trường TH Lê Hồng Phong	5.822	5.822															
15	Trường TH Phan Đình Phùng	5.859	5.859															
16	Trường TH Mạc Đĩnh Chi	3.966	3.966															
17	Trường TH Ngô Quyền	6.770	6.770															
18	Trường TH Võ Thị Sáu	3.457	3.457															
19	Trường TH Phan Chu Trinh	6.143	6.143															
20	Trường TH Hoàng Văn Thụ	5.602	5.602															
21	Trường TH Nguyễn Văn Cừ	5.040	5.040															
22	TH-THCS Trường Sa	6.166	6.166															
23	TH-THCS Thắng Lợi	6.939	6.939															

ST T	Tên đơn vị	TỔNG SỐ	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của CQ QLNN, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Các khoản chi khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Sự nghiệp kinh tế khác			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
24	Trường THCS Nguyễn Sinh Sắc	10.495	10.495															
25	Trường THCS Trần Hưng Đạo	5.617	5.617															
26	Kinh phí các đối tượng nghi 178	3.190														3.190		
27	Hỗ trợ công an phường	101				101												



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
PHƯỜNG KON TUM**

Số: /NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

P. Kon Tum, ngày tháng năm 2025

DƯ THẢO LẦN 2

NGHỊ QUYẾT

**Về nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội,
quốc phòng, an ninh 6 tháng cuối năm 2025**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG KON TUM KHÓA I, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân phường về dự thảo Nghị quyết về nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh 6 tháng cuối năm 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân phường; Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 7 năm 2025 và Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân phường về tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân phường; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tán thành với đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh 6 tháng đầu năm; phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2025 của Ủy ban nhân dân phường.

Điều 2. Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm 6 tháng cuối năm 2025

Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh năm 2025, trong 6 tháng cuối năm 2025, bên cạnh việc đẩy mạnh thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp tại Báo cáo số 41/BC-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2025 và Báo cáo tiếp thu, giải trình của Ủy ban nhân dân phường tại Kỳ họp chuyên đề Hội đồng nhân dân phường Khóa I, Hội đồng nhân dân phường nhấn mạnh những nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

1. Triển khai thực hiện quyết liệt, có hiệu quả 04 nghị quyết “bộ tứ trụ cột” của Bộ Chính trị; các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, phấn đấu đạt và vượt các chỉ tiêu kinh tế - xã hội ở mức cao nhất.

2. Tập trung xây dựng chương trình, kế hoạch để triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ phường, nhiệm kỳ 2025-2030; triển khai thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân phường kỳ họp chuyên đề tháng 7 năm 2025 các nội dung về phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách và đầu tư công trên địa bàn theo quy định của pháp luật. Hoàn thiện, trình cấp có

11. Chỉ đạo chuẩn bị chu đáo và triển khai năm học 2025-2026 theo quy định; tiếp tục đổi mới phương pháp dạy và học, nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia.

12. Nâng cao chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh; thực hiện hiệu quả chương trình tiêm chủng mở rộng, khám và chăm sóc sức khỏe sinh sản, tổ chức tốt công tác khám, chữa bệnh và điều trị tại trạm y tế; thực hiện tốt chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình, nhất là ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

13. Tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước trong hoạt động thanh tra; tổ chức thực hiện nghiêm túc các thông báo, kết luận kiểm tra, kiểm toán của các cấp, các ngành; thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, không để các vụ việc tiềm ẩn nguy cơ gây mất ổn định, ảnh hưởng đến an ninh trật tự xã hội và công tác tổ chức đại hội các cấp.

14. Tăng cường phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực gắn với sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy; đẩy mạnh công tác đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm, tập trung phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý hoạt động tin dụng đen, tội phạm ma túy, lừa đảo, chiếm đoạt tài sản trên không gian mạng; đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, an toàn giao thông, bảo vệ môi trường và phòng, chống cháy, nổ, đuối nước. Thực hiện tốt công tác đối ngoại địa phương trong tình hình mới. Khám tuyển chọn và phối hợp giao quân đạt chỉ tiêu tình giao. Chuẩn bị nội dung trình kỳ họp Hội đồng nhân dân phường cuối năm 2025, triển khai công tác chuẩn bị tổ chức bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XVI và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 và tổ chức lấy ý kiến cử tri về đổi tên các thôn, tổ dân phố trên địa bàn phường.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân phường tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân phường, các Ban của Hội đồng nhân dân phường, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân phường giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân phường Kon Tum Khóa I Kỳ họp chuyên đề thông qua ngày tháng 7 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy phường;
- Thường trực HĐND phường;
- Ủy ban nhân dân phường;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường;
- Đại biểu HĐND phường;
- Các Ban HĐND phường;
- Văn phòng HĐND và UBND phường;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND phường;
- Thôn, tổ dân phố trên địa bàn phường;
- Lưu: VT, HĐ.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Hà